

Nghị quyết số: 74/2022/QH15

NGHỊ QUYẾT

**Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật
về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2021/QH15 ngày 25 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2022 và Nghị quyết số 18/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021

Quốc hội cơ bản tán thành nội dung Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 với những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 đã đạt được những kết quả rất quan trọng, tích cực, song hành với kết quả to lớn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của đất nước. Cụ thể như: (1) Khung khổ pháp lý liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từng bước được hoàn thiện, chất lượng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tiêu chuẩn, định mức chế độ trong các lĩnh vực tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ hơn theo hướng minh bạch, dễ tiếp cận, tạo

thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Mức độ hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế được nâng lên, đến năm 2020 có khoảng 13.000 tiêu chuẩn Việt Nam, tỷ lệ hài hòa khoảng 60%; (2) Quản lý thu, chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả hơn. Cơ cấu chi ngân sách chuyển biến tích cực, tập trung nhiều nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Bước đầu đã khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải; bảo đảm các khoản chi an sinh xã hội và các lĩnh vực quan trọng. Tổng số tiết kiệm kinh phí ngân sách, vốn nhà nước giai đoạn 2016-2021 là 350,54 nghìn tỷ đồng. Bội chi ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 3,37% GDP. Nợ công giảm mạnh từ 63,7% GDP năm 2016 xuống còn 55,9% GDP cuối năm 2020 và được cơ cấu lại bền vững, an toàn; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công dần được hoàn thiện và từng bước cập nhật các thông tin, số liệu tài sản công; (4) Quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản được tăng cường, từng bước khắc phục tình trạng thất thoát, lãng phí; (5) Sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách thủ tục hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực, là một thành tựu và kết quả nổi bật nhất giai đoạn 2016-2021; (6) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được tăng cường và đạt nhiều kết quả quan trọng, tích cực. Nhiều vụ án kinh tế gây thất thoát nghiêm trọng vốn, tài sản nhà nước được điều tra, truy tố, xét xử, thu hồi số vốn, tài sản nhà nước lớn; có tác dụng cảnh báo, răn đe, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước.

2. Bên cạnh kết quả đạt được, việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế; việc chấp hành pháp luật còn chưa nghiêm; trong một số trường hợp thất thoát, lãng phí là rất lớn, nghiêm trọng, làm mất đi cơ hội phát triển. Cụ thể như: (1) Việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 5 năm và hằng năm của các cấp, các ngành còn chậm, nặng về hình thức, thiếu trọng tâm, trọng điểm; tổ chức triển khai, sơ kết, tổng kết, đánh giá, nhân rộng mô hình tiên tiến còn nhiều hạn chế; (2) Một số văn bản quy phạm pháp luật và quy chuẩn, tiêu chuẩn, đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, chưa đầy đủ, chậm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, thiếu chặt chẽ, có trường hợp còn sơ hở, dẫn đến lãng phí, thất thoát; (3) Lập, thẩm định dự toán ngân sách nhà nước chưa sát thực tế. Nợ đọng thuế, thất thu, chậm nộp, thu không đúng, không đủ; vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ còn diễn ra tương đối phổ biến. Hàng nghìn dự án chậm tiến độ, điều chỉnh nhiều lần, có thất thoát, lãng phí và đầu tư không hiệu quả. Số vốn không sử dụng hết, hủy dự toán và chuyển nguồn hằng năm còn lớn và có xu hướng gia tăng; (4) Công tác cổ phần hóa, thoái vốn rất chậm. Vốn nhà nước đầu tư tại một số doanh nghiệp chưa được bảo toàn. Nhiều dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp còn thua lỗ, thất thoát, lãng phí. Một số quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động không hiệu quả, sắp xếp lại còn chậm, còn để xảy ra thất thoát, lãng phí; (5) Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ và công trình phúc lợi công cộng tại một số Bộ, ngành, địa phương không đúng quy định, chưa hiệu quả, sử dụng sai mục đích, lãng phí; sắp xếp chậm, chưa xử lý dứt điểm tình trạng bị lấn chiếm, tranh

chấp kéo dài nhiều năm; (6) Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch còn nhiều hạn chế. Các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, 5/6 quy hoạch vùng, hầu hết quy hoạch cấp tỉnh đến nay vẫn chưa được phê duyệt. Quy hoạch treo, dự án treo còn khá phổ biến. Nhiều vi phạm trong quản lý, sử dụng đất kéo dài, nhưng chậm được khắc phục, xử lý. Diện tích đất chưa sử dụng, để hoang hóa tại nhiều dự án khá lớn. Công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn nhiều vướng mắc, chưa kịp thời tháo gỡ, dẫn đến chậm triển khai dự án không chỉ làm ảnh hưởng đến quyền lợi, đời sống và sinh kế của người có đất bị thu hồi, còn gây thất thu ngân sách nhà nước và lãng phí trong sử dụng đất. Quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản, tài nguyên nước chưa thật sự bền vững và hiệu quả, còn tình trạng khai thác quá mức, ảnh hưởng lớn đến yếu tố bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; (7) Hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra. Cơ cấu tổ chức bên trong Bộ, cơ quan ngang Bộ và một số chính quyền địa phương còn chồng chéo, nhiều tầng nấc trung gian; chồng chéo, chưa hợp lý trong chức năng, nhiệm vụ. Việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành công ty cổ phần còn chậm. Tinh giản biên chế mới chủ yếu giảm về số lượng, chưa gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Việc quản lý, sử dụng biên chế, thời gian lao động ở nhiều Bộ, ngành, địa phương còn bất cập; cải cách hành chính chưa đạt kết quả như yêu cầu; (8) Nhiều vụ việc sai phạm trong đầu tư, đấu thầu, thẩm định giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài chính công, tài sản công gây thất thoát, lãng phí rất lớn. Việc triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước còn chậm. Tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản cho Nhà nước phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án chưa cao. Nhiều vụ việc thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí, ách tắc, cản trở việc đưa các nguồn lực, tài nguyên vào khai thác, sử dụng hiệu quả.

3. Những tồn tại, hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân. Bên cạnh nguyên nhân do một số quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá còn bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển thì nguyên nhân chủ yếu là việc tổ chức thực hiện. Trong đó nguyên nhân chính là: (1) Kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện chưa nghiêm; (2) Nhận thức pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân chưa đầy đủ; (3) Còn có hiện tượng buông lỏng quản lý, né nạng, né tránh tại nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương; (4) Trình độ, năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ, công chức thực thi pháp luật còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; (5) Một số nơi chưa đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu và cơ quan tham mưu trong tổ chức thực hiện, chưa quyết liệt, kịp thời xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh; (6) Sự phối hợp giữa các cơ quan ở cả trung ương, địa phương nhiều trường hợp còn chưa chặt chẽ, không kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

4. Trách nhiệm chính của những tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc về các tổ chức, cá nhân và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không bảo đảm tiến độ, chất lượng; quản lý, sử dụng

ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, biên chế, thời gian lao động, đất đai, tài nguyên, khoáng sản không hiệu quả, không đúng mục đích, gây thất thoát, lãng phí. Các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm trong việc thiếu kiểm tra, giám sát, tham mưu, xử lý các vấn đề liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương có trách nhiệm trong chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện, trong một số trường hợp còn chậm, chưa kiên quyết xử lý các vi phạm và giải quyết các vướng mắc phát sinh. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có phần trách nhiệm trong giám sát, kiến nghị, thiếu sự giám sát thường xuyên và chưa giám sát đến cùng việc thực hiện các kiến nghị trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chung về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại từng cơ quan, tổ chức, cá nhân, cả khu vực công cũng như khu vực tư để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực sự trở thành văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

2. Tăng cường, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước để phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Xử lý nghiêm minh, kịp thời trách nhiệm các tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Từ năm 2023, phát động trong toàn quốc cuộc vận động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chính phủ tổ chức phong trào thi đua về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, tiêu dùng ở mọi cấp, mọi ngành và trong nhân dân với chủ đề, nội dung, hình thức thiết thực, hiệu quả. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Đổi mới việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và báo cáo việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 5 năm và hằng năm, theo hướng vừa đảm bảo tính tổng thể, toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm, có chủ đề từng năm.

5. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp yêu cầu thực tiễn. Từ năm 2023, thường xuyên đánh giá hiệu quả và chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh các bất cập, mâu thuẫn nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí các nguồn lực. Chú trọng xây dựng chính sách quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng giai đoạn đối với một số lĩnh vực then chốt như tiết kiệm năng lượng, quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản.

Điều 3. Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục tăng cường công tác giám sát các nội dung liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong kế hoạch giám sát hằng năm. Nghiên cứu lồng ghép một số nội dung giám sát chuyên sâu việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào kế hoạch, nội dung các cuộc giám sát chuyên đề theo kế hoạch của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2023.

2. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội:

a) Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các vấn đề quan trọng của đất nước bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải pháp xử lý khi phát hiện có vấn đề thiếu thống nhất, đồng bộ giữa các luật, nghị quyết của Quốc hội;

b) Tăng cường công tác giám sát việc ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

c) Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu, việc khắc phục, xử lý các tồn tại, hạn chế trong thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 thuộc lĩnh vực phân công phụ trách.

3. Ủy ban Tài chính, Ngân sách chủ trì, phối hợp các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đôn đốc các cơ quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và tổ chức giám sát việc xử lý 51 dự án, cụm dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác không hiệu quả hoặc lãng phí (Phụ lục số 1 kèm theo Nghị quyết); 13 dự án, chuỗi dự án trọng điểm trong lĩnh vực điện, than, dầu khí chậm tiến độ (Phụ lục số 2 kèm theo Nghị quyết); 19 dự án chậm triển khai, có khó khăn, vướng mắc để đất đai hoang hóa, lãng phí (Phụ lục số 3 kèm theo Nghị quyết); 880 dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng (Phụ lục số 4 kèm theo Nghị quyết) và các tồn tại, hạn chế nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương;

b) Theo dõi, giám sát việc xử lý các dự án đầu tư không hiệu quả, chậm tiến độ, các công trình, dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ đưa đất vào sử dụng, để hoang hóa, lãng phí trên địa bàn và các tồn tại, hạn chế trong thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 của địa phương nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát.

Điều 4. Giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cơ quan hữu quan nghiên cứu kỹ các giải pháp, đề xuất, kiến nghị nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát để thực hiện nghiêm các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Trong năm 2023: (1) Hoàn thành việc rà soát, thống kê, tổng hợp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021; báo cáo rõ kết quả rà soát, phát hiện các vi phạm, thất thoát, lãng phí của từng Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cơ quan hữu quan; (2) Làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm giải trình của người đứng đầu để xảy ra các vi phạm, thất thoát, lãng phí đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước có thất thoát, lãng phí; diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, vi phạm pháp luật; 79.670 ha đất các công ty nông, lâm nghiệp đã có quyết định thu hồi nhưng chưa có phương án sử dụng; 305.043 ha đất các công ty nông, lâm nghiệp chưa có quyết định thu hồi và chưa có phương án sử dụng đất và các tồn tại, hạn chế khác nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát; (3) Phân loại để xây dựng kế hoạch, lộ trình, làm rõ trách nhiệm, xử lý các sai phạm, tiêu cực, các tồn tại, hạn chế, thất thoát, lãng phí đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến 51 dự án, cụm dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác không hiệu quả hoặc lãng phí (Phụ lục số 1 kèm theo Nghị quyết); 13 dự án, chuỗi dự án trọng điểm trong lĩnh vực điện, than, dầu khí chậm tiến độ (Phụ lục số 2 kèm theo Nghị quyết); 19 dự án chậm triển khai, có khó khăn vướng mắc để đất đai hoang hóa, lãng phí (Phụ lục số 3 kèm theo Nghị quyết); 880 dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng (Phụ lục số 4 kèm theo Nghị quyết) và các tồn tại, hạn chế khác nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát;

b) Trong năm 2023, ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật có liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; rà soát và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, xây dựng, dịch vụ công còn thiếu hoặc còn chồng chéo, mâu thuẫn; sửa đổi, bổ sung định mức chi tiêu công, tài sản công, xe công, khoán chi, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; lao động, biên chế; quản lý, sử dụng tài nguyên, đất, khoáng sản. Trước năm 2025 hoàn thành việc rà soát, tổng kết, đánh giá sự chồng chéo, chưa đồng bộ, kịp thời của hệ thống pháp luật liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đề xuất sửa đổi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các luật, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; sửa đổi theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm đồng bộ, thống nhất hệ thống pháp luật, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả việc quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước. Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền trong quản lý, sử dụng đất đai, báo cáo cơ

quan có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý tháo gỡ các điểm nghẽn cho đến khi Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực thi hành;

c) Đẩy nhanh lộ trình cải cách các chính sách thuế. Trong năm 2023, thực hiện việc rà soát, xử lý các công văn, quyết định đã ban hành không đúng thẩm quyền liên quan đến việc miễn, giảm, giãn, hoàn thuế. Tăng cường chống chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI. Giải quyết dứt điểm các trường hợp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính trong quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Tạo chuyển biến trong xử lý các khoản nợ đọng tiền thuế và tổ chức tổng kết đánh giá kết quả xử lý nợ đọng tiền thuế;

d) Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập, thẩm định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 và các năm sau. Kiểm soát chặt chẽ công tác lập, phân bổ, quản lý, sử dụng chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là chi đầu tư, sự nghiệp y tế, sự nghiệp khoa học công nghệ, tài nguyên, môi trường, công nghệ thông tin bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Nghiên cứu, đổi mới việc phân bổ chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước theo kết quả đầu ra và phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước 3-5 năm theo hình thức cuốn chiếu theo thông lệ quốc tế khi sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công;

đ) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác. Trong năm 2023 rà soát, tổng hợp, phân loại và xây dựng kế hoạch, lộ trình để có phương án xử lý khó khăn, vướng mắc đã tồn tại nhiều năm, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA không hiệu quả, chậm tiến độ; dự án BT dở dang. Sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án đã hoàn thành nhiều năm, không để lãng phí. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sớm giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các dự án BOT theo quy định của pháp luật và hợp đồng BOT;

e) Trong năm 2022 và Quý I năm 2023 rà soát toàn bộ các khoản chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 để hủy bỏ, thu hồi về ngân sách nhà nước các khoản chuyển nguồn không có nhu cầu sử dụng hoặc quá thời gian giải ngân theo quy định. Thống kê và báo cáo Quốc hội đầy đủ nguồn cải cách chính sách tiền lương chưa sử dụng của từng Bộ, ngành, địa phương tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 trong báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 trong báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022; nghiên cứu, đề xuất cơ chế quản lý, sử dụng nguồn cải cách chính sách tiền lương chưa sử dụng bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí;

g) Quản lý chặt chẽ việc huy động và quản lý, sử dụng các khoản vốn vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước. Thường xuyên rà soát, theo dõi, đánh giá kỹ việc phát hành trái phiếu Chính phủ gắn với nhu cầu chi đầu tư phát triển, trả nợ gốc của ngân sách bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vay ngân quỹ nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và pháp

luật về quản lý ngân quỹ nhà nước, bố trí nguồn để hoàn trả đầy đủ các khoản vay nợ kéo dài nhiều năm và báo cáo Quốc hội trong dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm. Đánh giá kỹ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để bảo đảm không thất thoát nguồn lực nhà nước, phát triển thị trường bền vững, minh bạch và an toàn;

h) Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các Tập đoàn, Tổng công ty; nâng cao năng lực quản trị theo nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế. Trong năm 2023, đánh giá và có giải pháp cụ thể để đẩy nhanh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp. Xây dựng lộ trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể giải quyết các dự án sử dụng vốn nhà nước thua lỗ tại các doanh nghiệp. Làm rõ trách nhiệm và kết quả xử lý nghiêm trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, gây ra thua lỗ, thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các nguồn vốn nhà nước khác;

i) Đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo đúng quy định pháp luật và Nghị quyết của Quốc hội;

k) Trong năm 2023, tập trung rà soát để đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên phạm vi cả nước; có các giải pháp xử lý cơ bản các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý chứng minh nguồn gốc. Kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp các cơ sở đã được phê duyệt, nhất là các cơ sở nhà, đất phải thu hồi, đấu giá. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tài sản các cơ quan, đơn vị sau sáp nhập và phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định, không để lãng phí, sai phạm, lấn chiếm, chuyển đổi, sử dụng sai mục đích hoặc để hoang hóa. Trước năm 2025 hoàn thành việc tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

l) Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế; nâng cao chất lượng quy hoạch để bảo đảm khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, giảm thiểu thất thoát, lãng phí, tác động tiêu cực đến môi trường. Trong năm 2023, hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025. Rà soát các dự án, kiến nghị liên quan đến đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án có khó khăn, vướng mắc và các dự án sử dụng đất chậm tiến độ để có phương án, giải pháp tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư để sớm đưa đất vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả, không tiếp tục gây thất thoát, lãng phí.

m) Tiếp tục thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị nguồn nhân lực trong khu vực công. Tăng cường xây dựng, đào tạo đội

ngũ nhân lực khu vực công trên các lĩnh vực, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh cổ phần hóa, chuyển đổi các hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, đánh giá lại việc giao, quản lý biên chế. Làm rõ căn cứ xác định biên chế khối sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, y tế. Khắc phục tình trạng giảm biên chế bình quân tại tất cả các cơ quan, đơn vị; xác định biên chế phải căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, địa phương gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước;

n) Tiếp tục thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Thu hồi triệt để các dự án treo và đẩy nhanh việc thu hồi các tài sản, đất đai nhà nước bị thất thoát, vi phạm theo các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;

o) Chậm nhất năm 2025 hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo pháp luật chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, kết nối liên thông giữa các Bộ, ngành, địa phương, Chính phủ, Quốc hội để làm cơ sở theo dõi, quản lý chặt chẽ các nguồn lực.

3. Chỉ đạo Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương:

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính công, tài nguyên, khoáng sản. Tổ chức thanh tra chuyên đề hoặc thanh tra thường xuyên các nội dung liên quan theo đề nghị của Đoàn giám sát tại Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 trong kế hoạch năm 2023 và năm 2024;

b) Nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ kết luận thanh tra để sớm thu hồi, xử lý tài sản thất thoát, lãng phí và kịp thời xử lý, khắc phục hậu quả, cũng như đưa các tài sản, nguồn vốn sớm vào khai thác, sử dụng;

c) Tiếp tục đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra.

Điều 5. Giao Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tư pháp

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chung quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này và các nhiệm vụ, giải pháp sau:

a) Đẩy nhanh quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, thi hành các bản án để sớm thu hồi các tài sản nhà nước bị thất thoát, lãng phí;

b) Rà soát các khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; khẩn trương có các giải pháp xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền để sớm xét xử, có phương án xử lý đối với các tài sản, nguồn lực liên quan các vụ

án, vụ việc lớn tránh thất thoát, lãng phí kéo dài;

c) Phối hợp các Bộ, ngành, địa phương trong năm 2023, có giải pháp, kiến nghị phương án xử lý đối với các dự án phải dừng thời gian thực hiện quá lâu bị ảnh hưởng do liên quan đến điều tra, truy tố, xét xử hoặc đã kết thúc thời gian điều tra, xét xử nhưng chưa được xử lý để sớm đưa các tài sản, tài nguyên vào khai thác, sử dụng.

2. Kiểm toán nhà nước:

a) Tăng cường công tác kiểm toán việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện kiểm toán chuyên đề các nội dung Đoàn giám sát nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11 tháng 10 năm 2022 trong kế hoạch kiểm toán năm 2023;

b) Tăng cường và đa dạng các hình thức công khai thông tin kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cung cấp các thông tin kết quả kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Kiểm toán nhà nước. Cung cấp đầy đủ các Báo cáo kiểm toán đến Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội theo hình thức điện tử.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Luật Hoạt động giám sát Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Chính phủ tổng hợp báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết này tại kỳ họp thứ 6 và kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Epas: 102079

Vương Đình Huệ